

# LỰA CHỌN NGÀNH ƯU TIÊN THU HÚT FDI THẾ HỆ MỚI TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Hồ Đại Nghĩa

Nguyễn Thị Phương Thanh

***Tóm tắt:** Chiến lược thu hút vốn FDI của tỉnh Bình Định cần chuyển từ “thu hút bằng mọi giá” sang “thu hút có chọn lọc” một cách chủ động. Bài viết đánh giá và lựa chọn danh mục các ngành kinh tế cần định hướng chủ động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào địa phương trong giai đoạn mới dựa trên phân tích định tính và định lượng. Tác giả đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và so sánh thực trạng của tỉnh Bình Định với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trên cơ sở đó đề xuất danh mục các ngành kinh tế ưu tiên thu hút và một số giải pháp thu hút dòng vốn FDI vào Bình Định trong giai đoạn tới.*

***Từ khóa:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Lựa chọn ngành ưu tiên; Thu hút đầu tư chủ động.*

## **Đặt vấn đề**

Hiện nay, bối cảnh thế giới và khu vực đang có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực nhưng cũng chứa đựng rủi ro, thách thức đối với thu hút dòng vốn FDI.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, ưu thế về lao động giá rẻ của các quốc gia đang phát triển tiếp nhận FDI sẽ giảm dần. Cùng với đó, khả năng áp dụng tức thì các ứng dụng CMCN 4.0 ở các nước phát triển có nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ thuận lợi hơn, tạo nên xu hướng “backshoring” (sự thay đổi vị trí của các doanh nghiệp trước đây từng tiến hành hoạt động đầu tư ở nước ngoài quay trở lại đầu tư ở nước bản địa). Các nhà đầu tư FDI lựa chọn quay trở về là do chiến lược phát triển của họ không phù hợp với chiến lược phát triển của nước tiếp nhận FDI hoặc không đạt được hiệu quả về kinh tế do chi phí tăng, không phù hợp nhu cầu thị trường (Kamp & Wilson, 2021). Dù chịu tác động của CMCN 4.0 song lý thuyết về lợi thế so sánh vẫn đúng,

các nước phát triển (hiện đang chiếm phần lớn các doanh nghiệp có xu hướng backshoring) sẽ lựa chọn sản xuất các mặt hàng hoặc các khâu đem lại giá trị gia tăng cao trong khi các nước có trình độ phát triển thấp hơn như Việt Nam sẽ vẫn phải đảm nhận việc sản xuất các mặt hàng hoặc các khâu đem lại giá trị gia tăng thấp hơn.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng sẽ khiến dòng vốn FDI từ và ngoài Trung Quốc có xu hướng hướng tới thị trường Việt Nam nhằm mục tiêu khai thác lợi thế, lợi ích to lớn từ việc Việt Nam là thành viên của của nhiều FTA, đặc biệt là CPTPP và EVFTA. Các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản thực hiện “Chính sách hướng Nam mới” nhằm giảm bớt sự lệ thuộc vào các đối tác truyền thống như Trung Quốc, Mỹ để chuyển sang các địa bàn đầu tư mới, trong đó, Việt Nam là một địa bàn có nhiều ưu thế.

Bên cạnh đó, theo UNCTAD (2021), hoạt động thu hút đầu tư FDI ở các nước ASEAN

cho thấy xu hướng chuyển dần từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực dịch vụ, đánh dấu sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu đầu tư, theo đó thương mại bán buôn và bán lẻ đã vượt qua sản xuất và tài chính - vốn là hai ngành có truyền thống thu hút FDI nhiều nhất, trở thành ngành hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Một số hoạt động đầu tư nổi bật khác trong những năm trở lại đây là: chăm sóc sức khỏe, R&D, giáo dục, thương mại điện tử,... dưới tác động của cuộc CMCN 4.0, đây được xem là một xu hướng đầu tư mới khai thác những thành tựu của khoa học, công nghệ cũng như hướng tới sự phát triển bền vững.

Trước xu thế dịch chuyển của dòng vốn FDI, cũng như động thái của các quốc gia trong khu vực tập trung đẩy mạnh thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, Việt Nam cũng không ngoại lệ, nắm bắt xu hướng và tận dụng lợi thế sẵn có; nhiều địa phương như Bình Dương, Bắc Ninh, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong việc thu hút dòng vốn FDI này.

Trong bối cảnh, quan điểm, chủ trương thu hút đầu tư FDI đã được định hình lại, hiệu quả đầu tư của dòng vốn này đã được quan tâm và đánh giá đúng mức hơn trước.

### **1. Thực trạng hiệu quả của dòng vốn FDI vào Bình Định**

Tỉnh Bình Định, là một trong những địa phương có rất nhiều lợi thế sẵn có để thu hút đầu tư FDI; tuy nhiên, dòng vốn FDI tại tỉnh chủ yếu là các dự án đầu tư vào các ngành sản xuất thâm dụng lao động có quy mô vừa và nhỏ; chưa có nhiều dự án đầu tư nổi bật về quy mô vốn, công nghệ, phát triển hạ tầng.

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Bình Định và báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định (2021), trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh Bình Định đã thu hút từ nguồn vốn FDI 1.956,9 triệu USD cho 79 dự án cấp mới;

23 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn và 28 lượt đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần. Số lượng dự án FDI thu hút vào tỉnh qua các năm tăng lên không đáng kể (bình quân 7,9 dự án/năm) với lượng vốn đăng ký có sự biến động qua từng năm. Về qui mô vốn trên 1 dự án cho thấy phần lớn các dự án có quy mô vốn đầu tư không lớn với mức vốn đăng ký đầu tư bình quân khoảng 20,2 triệu USD/dự án.

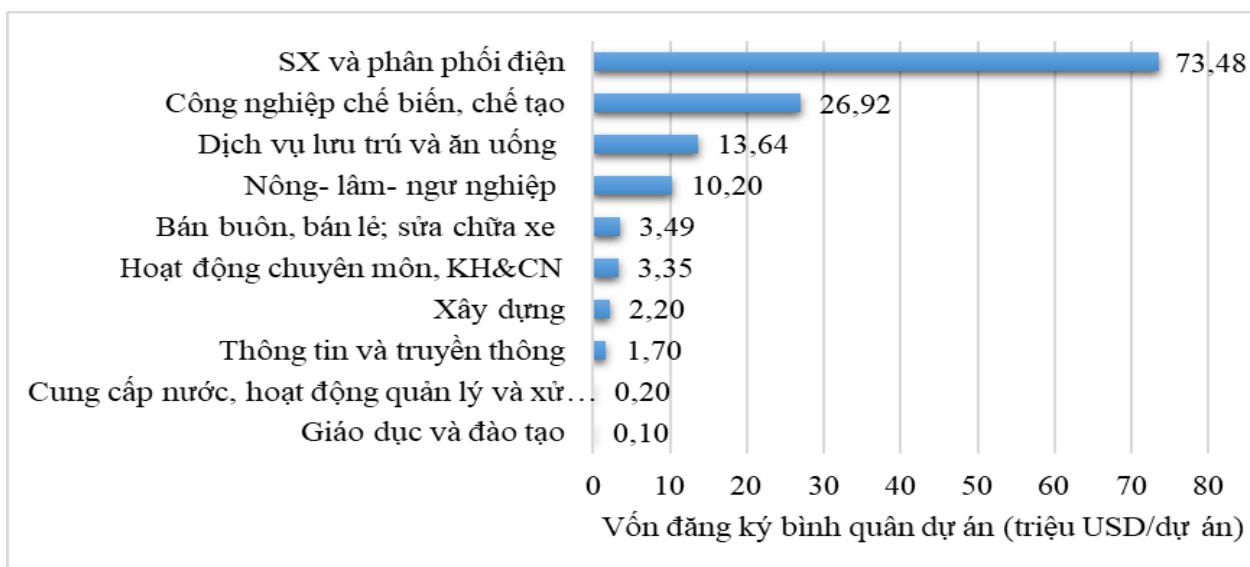
Nguồn vốn FDI đầu tư vào nhiều ngành kinh tế với tỷ lệ phân bổ vốn khác nhau. Trong đó, các ngành dẫn đầu thu hút vốn FDI vào tỉnh giai đoạn 2011-2020 là: hoạt động sản xuất và phân phối điện; công nghiệp chế biến chế tạo; dịch vụ lưu trú và ăn uống; nông lâm ngư nghiệp (Hình 1). Lũy kế đến cuối năm 2020, các dự án FDI thuộc khu vực công nghiệp ghi nhận số dự án và số vốn thu hút chiếm ưu thế nhất; trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện có số vốn đầu tư cao nhất, đạt 367,4 triệu USD chiếm 48,8% tổng vốn đăng ký; ngành chế biến, chế tạo thu hút được nhiều sự quan tâm nhất với 44 dự án đăng ký mới, với mức đầu tư đạt 211,3 triệu USD chiếm 28,1% tổng vốn đăng ký trong khi, các ngành thuộc khu vực dịch vụ, nông nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ rất ít trong thu hút FDI, kể cả số dự án và số vốn đăng ký.

Theo kết quả tính toán của tác giả, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân khu vực FDI của Bình Định trong giai đoạn 2011-2020 là 11,68; có nghĩa là để tạo ra 1 đồng giá trị tăng thêm, khu vực này phải bỏ ra 11,68 đồng vốn; còn xét trong giai đoạn 2011-2018 thì khu vực này chỉ phải bỏ ra 5,5 đồng vốn để có được 1 đồng giá trị tăng thêm. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi này là do tác động tiêu cực từ đại dịch COVID – 19, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các dự án, công trình đã và đang đầu tư bị đình trệ. Tuy nhiên, so với hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam 2011 – 2020 là 6,15 (Ngô Thắng

Lợi, 2020) thì khu vực FDI Bình Định là khu vực hoạt động kém hiệu quả về mặt sử dụng vốn, mặc dù trên thực tế khu vực này nhận

được nhiều ưu đãi về mặt chính sách thu hút đầu tư, và cũng là khu vực được kỳ vọng nhiều về thu hút lao động và phát triển công nghệ.

HÌNH 1. VỐN ĐĂNG KÝ BÌNH QUÂN DỰ ÁN FDI Ở BÌNH ĐỊNH 2011-2020

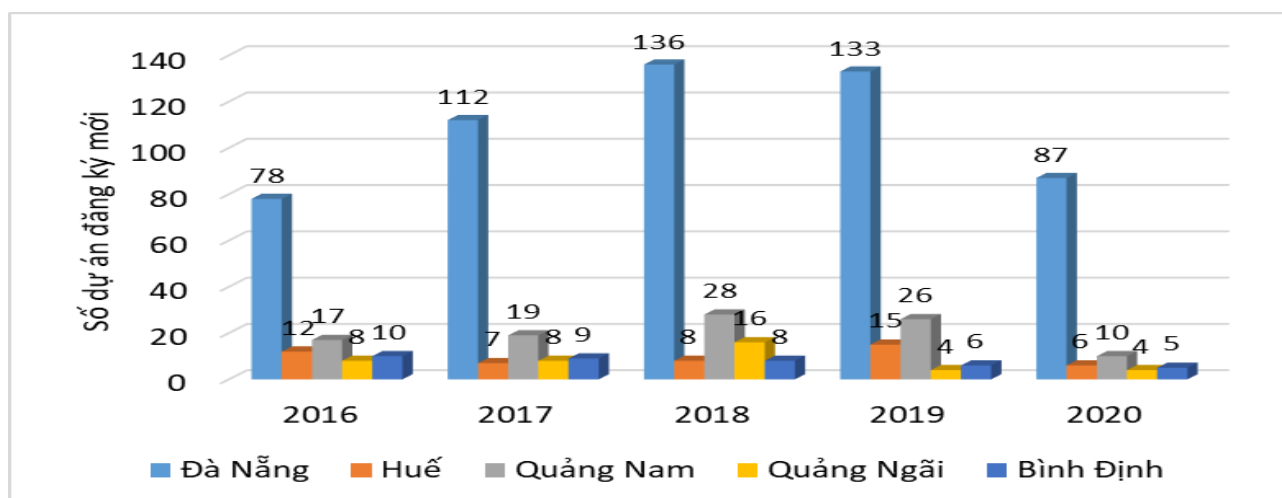


Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Kết quả tính toán của tác giả về Hiệu suất sinh lợi trên doanh thu (ROS) của khu vực FDI cho thấy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong khu vực này vượt trội hơn so với doanh nghiệp tư nhân trong nước, cũng như doanh nghiệp nhà nước về lợi nhuận dù doanh

thu đạt được thấp hơn. Cụ thể, giai đoạn 2011-2019, hiệu suất sinh lợi trên doanh thu của doanh nghiệp FDI là 6,0%, còn khu vực doanh nghiệp nhà nước là 4,9%, của doanh nghiệp ngoài nhà nước là 1,3%.

HÌNH 2. SỐ DỰ ÁN FDI THU HÚT VÀO CÁC TỈNH VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG 2016-2020



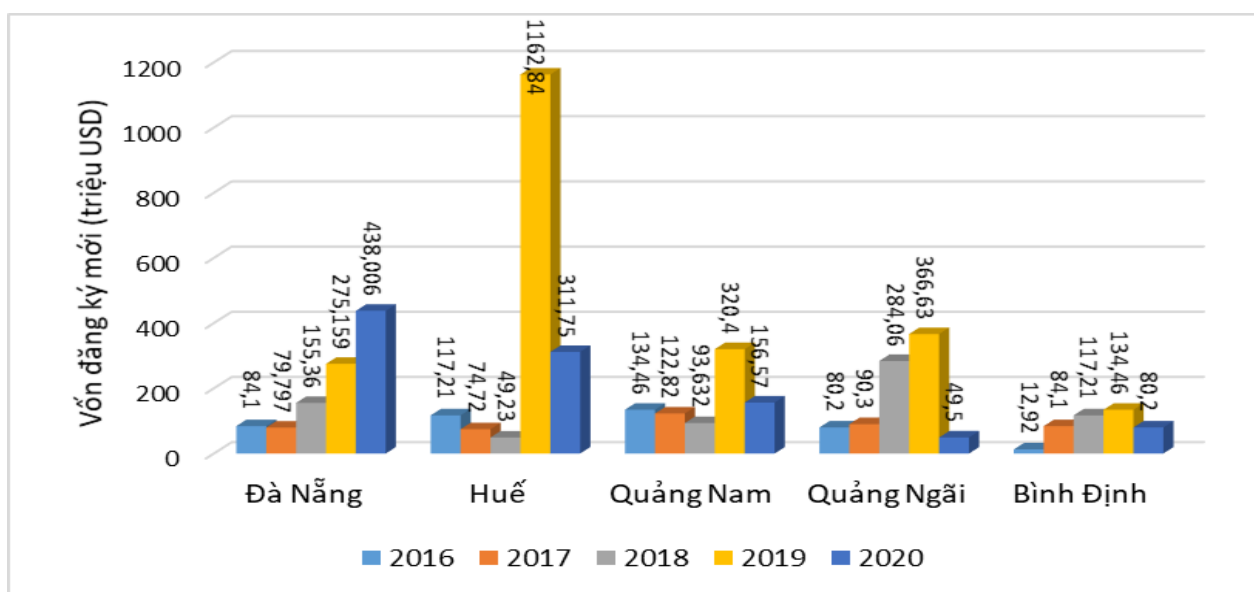
Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê các tỉnh.

Về vị thế thu hút FDI Bình Định, so sánh với các địa phương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong giai đoạn 2016-2020 có 772 dự án FDI được thu hút mới vào Vùng. Trong đó, nếu không kể đến Đà Nẵng là thành phố nhận được nhiều dự án FDI nhất, với 546 dự án FDI đăng ký mới (chiếm 70,7% số dự án FDI thu hút mới của Vùng); Bình Định là tỉnh hiện tại có ít dự án FDI thu hút mới nhất của Vùng với 38 dự án (4,9%) (Hình 2).

Lượng vốn thu hút vào các địa phương trong Vùng trong giai đoạn này cũng có nhiều điểm cần chú ý. Mặc dù số dự án thu hút đầu

tu FDI ở Đà Nẵng là cao nhất, nhưng quy mô vốn FDI thu hút được trong giai đoạn này lại dẫn đầu bởi Huế với lượng vốn đầu tư thu hút được xấp xỉ gấp 1,7 lần so với địa phương xếp thứ 2 là Đà Nẵng. Lượng vốn thu hút được từ các dự án FDI của các tỉnh trong Vùng lần lượt là Huế (1.715,75 triệu USD), Đà Nẵng (1.032,42 triệu USD), Quảng Ngãi (870,69 triệu USD), Quảng Nam (827,88 triệu USD) và Bình Định (428,89 triệu USD). Mặc dù, lượng vốn thu hút vào Bình Định tăng qua các năm, tuy nhiên chỉ chiếm 8,8% tổng lượng vốn FDI thu hút vào Vùng, thấp nhất so với lượng vốn thu hút vào các tỉnh còn lại (Hình 3).

HÌNH 3. VỐN ĐĂNG KÝ FDI THU HÚT VÀO CÁC TỈNH VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG 2016-2020



Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê các tỉnh.

Ngoài ra, so sánh từ số liệu thống kê các tỉnh giai đoạn 2016-2020 cho thấy, quy mô vốn FDI vào các tỉnh thuộc Vùng tập trung cao nhất ở các ngành CN chế biến, chế tạo (chiếm 53,1% lượng vốn thu hút FDI vào Vùng); Dịch vụ lưu trú ăn uống (chiếm 32,6%). Bình Định nổi bật với lượng vốn thu hút đầu tư FDI trong ngành Sản xuất và phân phối điện với 258,08 triệu USD, cao hơn gấp 3,7 lần lượng vốn FDI

thu hút vào ngành CN chế biến, chế tạo; ngành Dịch vụ lưu trú ăn uống của Bình Định cũng có khối lượng vốn FDI khiêm tốn nếu so sánh với các tỉnh còn lại trong Vùng.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích định tính được sử dụng để phân

tích số liệu trong nghiên cứu này. Các bước tiến hành nghiên cứu như sau:

Bước 1: Lựa chọn các ngành kinh tế khả thi

#### *Phân tích định lượng*

So sánh 10 chỉ tiêu kinh tế giữa Bình Định và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung còn lại (Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi) trong giai đoạn 2015-2020 cho các ngành kinh tế cấp I (đã được rút gọn còn 16 ngành so với 21 ngành ban đầu). Các chỉ tiêu kinh tế ( $k$ ) bao gồm: Quy mô GRDP ngành; Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành; Số doanh nghiệp trong ngành; Lao động trong ngành; Quy mô vốn đầu tư ngành; Quy mô vốn sản xuất kinh doanh bình quân hằng năm của doanh nghiệp trong ngành; Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư ngành; Doanh thu thuần hằng năm của doanh nghiệp trong ngành; Số lượng doanh nghiệp trong ngành có quy mô vốn trên 50 tỷ đồng; Số lượng doanh nghiệp trong ngành có quy mô lao động trên 100 người.

Công thức tính cụ thể như sau:

$$A_{k,i} = \frac{P_{k,i}^{BD}}{P_{k,i}} \quad (I)$$

Trong đó:

$A_{k,i}$  là chỉ số đánh giá lợi thế của ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$  của Bình Định so với mỗi tỉnh, thành trong Vùng (Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi);

$P_{k,i}^{BD}$  là giá trị bình quân của ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$  của Bình Định;

$P_{k,i}$  là giá trị bình quân của ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$  của các tỉnh, thành còn lại trong Vùng.

Nếu  $A_{k,i} < 1$ , ngành  $i$  của Bình Định không có lợi thế về tiêu chí  $k$  so với tỉnh, thành được so sánh và ngược lại.

Gọi  $B_{k,i}$  là chỉ số lựa chọn ngành khả thi  $i$  theo tiêu chí  $k$  cho Bình Định. Ta có:

$$B_{k,i} = \{A_{k,i} | A_{k,i} \geq 1\} \quad (II)$$

Nếu có ít nhất 02 giá trị  $A_{k,i} \geq 1$  trở lên, hay  $B_{k,i} \geq 2$  thì ngành  $i$  của Bình Định được xem là khả thi ở tiêu chí  $k$ .

Trong 10 tiêu chí đánh giá cho từng ngành  $i$ : Nếu ngành  $i$  có ít nhất 8 tiêu chí có giá trị  $B_{k,i} \geq 2$  (trong đó tối thiểu có 6 tiêu chí có giá trị  $B_{k,i} > 2$ ) thì ngành đó được kết luận là "Khả thi"; Nếu ngành  $i$  có ít nhất 6 tiêu chí có giá trị  $B_{k,i} \geq 2$  (trong đó tối thiểu có 6 tiêu chí có giá trị  $B_{k,i} > 2$ ) thì ngành đó được kết luận là "Tiềm năng"; Các ngành  $i$  không thỏa mãn điều kiện trên sẽ được kết luận là "Không đạt".

#### *Phân tích định tính*

Nghiên cứu lấy ý kiến khảo sát từ 20 chuyên gia đánh giá các nội dung cụ thể bao gồm: Quy mô thị trường; Mức độ tiếp cận thị trường xuất khẩu; Chi phí đầu vào; Tài nguyên thiên nhiên; Sự phát triển và hoàn thiện của cơ sở hạ tầng; Logistic (cảng biển, sân bay); Thương hiệu địa phương; Quy mô vốn đầu tư công của địa phương; Cơ sở nghiên cứu và ứng dụng (R&D); Chất lượng lao động; Sự hiện diện của các nhà cung cấp, các yếu tố đầu vào chỉ có tại Bình Định.

Kết quả lựa chọn các ngành đáp ứng được yêu cầu "Khả thi" ở Bước 1 khi ngành đó đồng thời đạt được cả 2 đánh giá ở mức "Tiềm năng" hoặc "Đạt" ở cả phân tích định tính và định lượng.

- Bước 2: Lựa chọn ngành ưu tiên thu hút đầu tư

#### *Phân tích định lượng*

Dựa trên danh mục các ngành kinh tế được lựa chọn từ Bước 1, đánh giá mức độ đóng góp vào giá trị gia tăng, khả năng lan tỏa đến kinh tế – xã hội tỉnh đối với các ngành kinh tế cấp

II được xem xét dựa trên các tiêu chí ( $k$ ) gồm: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của từng ngành; Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế; Tỷ suất lợi nhuận bình quân trước thuế của mỗi doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế; Tỷ suất lợi nhuận trên tổng doanh thu bình quân của doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế; Tỷ suất trang bị tài sản cố định bình quân trên 1 lao động phân theo ngành kinh tế. Mục tiêu nhằm so sánh, đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng ngành cấp 2 cụ thể so với mức bình quân chung của toàn bộ nền kinh tế. Theo đó, những ngành có giá trị này càng lớn thì mức độ hiệu quả so với mức bình quân chung càng cao, càng đóng góp vào giá trị gia tăng và lan tỏa cho nền kinh tế.

Công thức tính tổng quát cho các chỉ tiêu này như sau:

$$C_{k,i} = \frac{1}{t} \sum_{n=1}^t \frac{X_{k,i,t}}{Y_{k,t}} \quad (III)$$

Trong đó:

$C_{k,i}$  là giá trị bình quân của ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$

$X_{k,i,t}$  là giá trị bình quân của ngành  $i$  năm thứ  $t$  của theo tiêu chí  $k$

$Y_{k,t}$  là giá trị bình quân của toàn bộ nền kinh tế năm thứ  $t$  theo tiêu chí  $k$

$t$  là giai đoạn được nghiên cứu (trong nghiên cứu này thì  $t = 5$ )

Theo đó, nếu  $C_{k,i} < 1$ , ngành  $i$  của Bình Định theo tiêu chí  $k$  không đạt hiệu quả trung bình dựa trên mức độ đóng góp vào giá trị gia tăng của toàn bộ nền kinh tế địa phương. Nếu

$C_{k,i} = 1$  thì ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$  có mức độ hiệu quả tương đương với mức bình quân chung của toàn bộ nền kinh tế; Nếu  $C_{k,i} > 1$ , ngành  $i$  theo tiêu chí  $k$  có mức độ hiệu quả cao hơn so với mức trung bình của toàn bộ nền kinh tế.

Theo đó các ngành được lựa chọn nếu thỏa mãn điều kiện về Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của ngành phải nhỏ hơn hoặc xấp xỉ Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bình quân địa phương trong giai đoạn đánh giá và có ít nhất 02 tiêu chí  $C_{k,i} > 1$ .

### Phân tích định tính

Các ý kiến đánh giá mức độ đóng góp vào giá trị gia tăng và mức độ lan tỏa của các ngành kinh tế của 20 chuyên gia là cơ sở cho phân tích tiếp theo. Từ đó, nghiên cứu có được một danh sách các ngành kinh tế được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về bố trí các nguồn lực xúc tiến đầu tư hữu hạn nhằm mục đích tối đa hóa lợi ích cho mục tiêu phát triển kinh tế địa phương

Kết quả lựa chọn các ngành thỏa mãn được yêu cầu ở phân tích định lượng, kết hợp với các ý kiến của chuyên gia; bên cạnh đó, bài viết xem xét sự phù hợp của các ngành này với định hướng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của địa phương, hiện trạng quy hoạch Khu kinh tế, Khu-Cụm công nghiệp, đặc biệt là xu hướng thu hút các ngành FDI trong nước và khu vực để hoàn thiện danh mục ưu tiên thu hút đầu tư FDI thế hệ mới của Bình Định trong giai đoạn tới.

### 3. Kết quả và thảo luận

BẢNG 1. CÁC NGÀNH ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

Nhóm	Ngành
<b>Nhóm 1 – Nhóm chủ lực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất, chế biến thực phẩm;</li> <li>• Sản xuất đồ uống;</li> <li>• Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Sản xuất gạch ngói, chế biến đá,...);</li> <li>• Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và BHXH);</li> <li>• Hoạt động kinh doanh bất động sản.</li> </ul>
<b>Nhóm 2 – Nhóm tiềm năng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;</li> <li>• Khai thác và nuôi trồng thủy sản;</li> <li>• Dịch vụ lưu trú và ăn uống.</li> </ul>
<b>Nhóm 3 – Nhóm đột phá</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công nghiệp năng lượng sạch;</li> <li>• Công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo AI;</li> <li>• Sản xuất ô tô, xe máy, tàu thủy....</li> </ul>

*Nguồn: Tính toán của tác giả.*

Kết quả nghiên cứu lựa chọn danh mục ưu tiên thu hút đầu tư FDI chủ động cụ thể theo các trình tự thời gian: tiến hành ngay, triển khai trong trung hạn và các ngành thu hút theo hướng hỗ trợ, cụ thể:

**Nhóm 1 – Nhóm chủ lực:** đây là nhóm ngành Bình Định có lợi thế cạnh tranh lớn so với các địa phương khác ở các khía cạnh như: quy mô thị trường, lao động, chất lượng sản phẩm, thương hiệu địa phương, đặc điểm địa kinh tế... Ngoài ra, các ngành này còn đóng góp lớn vào giá trị gia tăng cho địa phương trong một thời gian dài, có tác động lan tỏa tích cực đến các ngành khác nói riêng và toàn bộ nền kinh tế địa phương nói chung.

Các ngành này cần phải được xúc tiến chủ động thu hút đầu tư ngay, biến các ngành này trở thành xương sống nâng đỡ nền kinh tế địa phương. Theo đó, các ngành này cần tích cực khuyến khích các dự án có quy mô vốn lớn, trình độ công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm được sản xuất tại địa phương, hướng đến mục tiêu xuất khẩu hàng hóa ra thị trường thế giới. Các ngành thuộc nhóm này bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Sản xuất gạch ngói, chế biến đá,...); Hoạt động dịch vụ tài chính; Hoạt động kinh doanh bất động sản.

**Nhóm 2 – Nhóm tiềm năng:** đây là nhóm ngành có tác động đến nền kinh tế của địa phương ở một phạm vi nhất định và chỉ mới dừng lại ở mức tiềm năng. Các ngành này mặc dù có một số lợi thế nhưng so với các địa phương khác vẫn chưa đạt được ưu thế vượt trội và vì vậy thường có quy mô thị trường không lớn, đóng góp vào giá trị gia tăng và tác động lan tỏa cho nền kinh tế chỉ ở mức hạn chế. Tuy nhiên, nếu nhóm ngành này có hướng xúc tiến đầu tư phù hợp, thu hút được các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực đầu tư vào địa phương thì vẫn có thể tạo ra bước phát triển tích cực.

Các ngành này cần được xúc tiến đầu tư kiên trì, lâu dài và được tiến hành song song với các ngành chủ lực của địa phương. Các nhóm ngành này bao gồm: Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Khai thác và nuôi trồng thủy sản; Dịch vụ lưu trú và ăn uống.

**Nhóm 3 – Nhóm đột phá:** đây là nhóm ngành mà Bình Định không có lợi thế cạnh tranh, chưa có tiềm năng phát triển, chưa có đóng góp vào giá trị gia tăng cho địa phương cũng như tác động lan tỏa yếu đến các ngành kinh tế cũng như toàn bộ nền kinh tế địa phương. Các ngành trong nhóm này hầu hết là các ngành mới, trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, kỹ thuật cao, quy mô vốn lớn... Mặc dù điều kiện kinh tế-xã hội Bình Định hiện tại

chưa có lợi thế cạnh tranh và hầu như chưa có doanh nghiệp FDI có thể mạnh trong lĩnh vực này đầu tư nhưng các ngành này hiện đang trở thành các ngành xu hướng, có đóng góp nhiều vào giá trị gia tăng, tác động lan tỏa nền kinh tế của một số quốc gia trong khu vực.

Chính vì vậy, các ngành này cần được xúc tiến một cách chọn lọc, lâu dài dựa trên quan điểm, định hướng phát triển kinh tế dài hạn của Bình Định cũng như khả năng phát triển của địa phương. Các ngành kinh tế trong nhóm này bao gồm: năng lượng sạch, công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo AI, sản xuất ô tô, xe máy, tàu thủy.

### **Kết luận và khuyến nghị**

Dựa trên các phân tích về thực trạng, nghiên cứu đã đề xuất các ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào tỉnh Bình Định trong giai đoạn tới được phân thành ba nhóm ngành thu hút đầu tư FDI theo các trình tự thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Danh mục các ngành kinh tế được đề xuất không phải là những ngành duy nhất cần phải thu hút FDI, mà là những ngành cần chủ động trong công tác xúc tiến đầu tư để phát huy lợi thế của địa phương, khai thác có hiệu quả nguồn lực hạn chế của cơ quan xúc tiến đầu tư cấp tỉnh (IPA) trong bối cảnh mới nhằm tiếp cận các nhóm đối tượng nhà đầu tư phù hợp.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2018). *Báo cáo Hội thảo 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam- Tâm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới*.
2. Chính phủ (2018). *Chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới giai đoạn 2018 - 2030*.
3. Cục Thống kê Bình Định (2011, 2016, 2020). *Niên giám thống kê Bình Định các năm: 2011, 2016, 2020*. Nxb Thống kê.
4. Kamp, B., & Wilson, J. (2021). Is Industry 4.0 driving the backshoring of manufacturing activity?. Truy cập ngày 5/6/2022 tại <https://iap.unido.org/articles/industry-40-driving-backshoring-manufacturing-activity>.

Mặc dù Bình Định cần chuyển dịch trọng tâm sang FDI chất lượng cao hơn, nhưng không nên bỏ qua thu hút đầu tư vào lĩnh vực lắp ráp cơ bản và thuê ngoài quy trình kinh doanh (BPO) vì đây vẫn là nền tảng để chuyển dịch lên phía trên chuỗi giá trị và có vai trò then chốt trong việc tạo việc làm ở những tỉnh thành kém phát triển hơn trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó, trong bối cảnh mà những ngành công nghiệp mới tăng trưởng, thay đổi và nâng cấp theo cấp số nhân như: công nghệ di động, trí tuệ nhân tạo, người máy, thiết bị bay không người lái... việc thường xuyên nghiên cứu tìm hiểu thị trường và sự linh hoạt là cần thiết.

Các khuyến nghị về giải pháp được đề xuất nhằm hỗ trợ cho địa phương trong vấn đề thu hút FDI trong giai đoạn tiếp theo. Trong ngắn hạn, cần Thành lập Ban Chỉ đạo thu hút FDI thế hệ mới của Bình Định; Hiện đại hóa công tác xúc tiến đầu tư - bao gồm phạm vi các hoạt động xúc tiến đầu tư, cách tiếp cận, công cụ và các chỉ số hiệu quả FDI được sử dụng; Thực hiện các chính sách để tăng cường liên kết thương mại từ FDI. Trong dài hạn, thực hiện thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, và nâng cao nhận thức “Môi trường Kinh doanh 4.0” cho kinh tế địa phương.

5. Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Hoàng Dương (2021). Rà soát chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển bền vững Vùng*, Số 1 (03/2021), tr. 16-26.
6. Ngô Thắng Lợi (2020). *Vốn đầu tư thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn chiến lược mới 2021 - 2030 và những vấn đề cần quan tâm*. Truy cập ngày 5/6/2022 tại [http://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM236513](http://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM236513).
7. Nguyễn Trọng Hải (2007). *Vận dụng một số phương pháp thống kê phân tích hiệu quả kinh tế đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ kinh tế trường Đại học kinh tế quốc dân.
8. OECD (2019). *FDI Qualities Indicators: Measuring the sustainable development impacts of investment*.
9. Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định (2021). *Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài năm 2020*.
10. UNCTAD (2021). *ASEAN Investment Report 2020 - 2021 - Investing in Industry 4.0*.

---

**Thông tin tác giả:****1. Hồ Đại Nghĩa, ThS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Bình Định.

**2. Nguyễn Thị Phương Thanh, ThS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Bình Định.

- Địa chỉ email: thanh.epi@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/9/2022

Ngày nhận bản sửa: 2/10/2022

Ngày duyệt đăng: 28/10/2022